

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ các Luật: Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023; Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Căn cứ các Nghị định: Số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;

- Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030; số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm

2030; số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 về Ngày Chuyển đổi số quốc gia; số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 phê duyệt Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

- Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Căn cứ các Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông: Số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 phê duyệt chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/05/2022 phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; số 2294/QĐ-BTTTT ngày 21/11/2023 sửa đổi, bổ sung Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022; số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0 hướng tới Chính phủ số;

- Căn cứ các Nghị quyết của Tỉnh ủy: số 05-NQ/TU ngày 09/4/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 13-NQ/TU ngày 28/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 04/11/2022 của HĐND tỉnh về một số giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh gắn với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: số 3687/QĐ-UBND ngày

25/10/2021 của UBND tỉnh phê duyệt kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ninh phiên bản 2.0; số 1488/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 về triển khai thực hiện phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025; số 176/KH-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025 và kế hoạch triển khai năm 2022; số 34/KH-UBND ngày 16/02/2023 về việc Triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; số 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 thực hiện Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

- Căn cứ các văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông: số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh; số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 16/9/2024 về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

- Căn cứ hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ninh.

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 39/TTr-STTTT ngày 17/01/2025 và Văn bản số 160/STTTT-CNTT ngày 24/01/2025; trên cơ sở ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh tại Văn bản số 215/VP.UBND - NC ngày 17/01/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2025 như sau:

II. MỤC TIÊU NĂM 2025

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục bám sát quan điểm, định hướng lớn, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và hoàn thành các mục tiêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các chủ trương, định hướng, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các Nghị quyết chuyên đề, định hướng của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh có liên quan.

- Phần đầu Quảng Ninh đứng trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước

về chuyển đổi số toàn diện, nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Tập trung phát triển nền tảng số, xây dựng dữ liệu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Chỉ tiêu cụ thể (22 chỉ tiêu)

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- **Cơ quan chủ trì:** Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** các sở, ngành tỉnh.

(2) Tối thiểu 80% tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình.

- **Cơ quan chủ trì:** Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; các sở, ngành tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông.

(3) Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- **Cơ quan chủ trì:** Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; các sở, ngành.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(4) Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đủ điều kiện đạt 100%.

- **Cơ quan chủ trì:** Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** Các sở, ngành.

(5) Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.

- **Cơ quan chủ trì:** Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(6) Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- **Cơ quan chủ trì:** Văn phòng UBND tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(7) 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số; 100% chỉ đạo của UBND tỉnh được giao theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- **Cơ quan chủ trì:** Văn phòng UBND tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(8) Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng: Đối với các sở, ngành, UBND cấp huyện đạt 100%; đối với UBND cấp xã đạt tối thiểu 95%.

- **Cơ quan chủ trì:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ.

(9) Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt trên 10%. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo đóng góp từ 47-50% kinh tế số; công nghiệp khai khoáng 30%.

- **Cơ quan chủ trì:** Cục Thống kê.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(10) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Công Thương.

- **Cơ quan phối hợp:** UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

(11) Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Kế hoạch và Đầu tư; Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(12) 100% trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

- **Cơ quan chủ trì:** Cục Thuế tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Công Thương.

(13) Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chữ ký số đạt 50%.

- **Cơ quan chủ trì:** UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- **Cơ quan phối hợp:** Các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số.

(14) 100% các thôn, bản đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng; 100% trung tâm huyện, thị xã, thành phố, khu công nghiệp, nhà ga/cảng biển/sân bay quốc tế có dịch vụ di động 5G.

- **Cơ quan chủ trì:** Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(15) Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100% theo chỉ đạo của bộ chuyên ngành; Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Giáo dục và Đào tạo.

- **Cơ quan phối hợp:** Các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh; 13 huyện, thị xã, thành phố.

(16) Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Y tế.

(17) Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

- **Cơ quan chủ trì:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh.

(18) Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.

- **Cơ quan chủ trì:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh.

(19) Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- **Cơ quan chủ trì:** Thanh tra tỉnh.

- **Cơ quan phối hợp:** Các sở, ngành, địa phương; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(20) Quy tụ doanh nghiệp số, trong đó có ít nhất 03 doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển các sản phẩm, dịch vụ số.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Cơ quan phối hợp:** Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.

(21) 100% các trường học trên địa bàn tỉnh (từ các cấp học phổ thông đến đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề của tỉnh) có nội dung chuyên đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Giáo dục và Đào tạo.

- **Cơ quan phối hợp:** Các sở, ngành, địa phương.

(22) Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam trên địa bàn tỉnh đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 20%.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Văn hóa và Thể thao.

- **Cơ quan phối hợp:** UBND các huyện, thị xã, thành phố.

III. NHIỆM VỤ

Danh mục nhiệm vụ của Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 gồm **39 nhiệm vụ**, cụ thể như sau:

- (1) Thể chế, chính sách số: 06 nhiệm vụ;
- (2) Phát triển hạ tầng số: 04 nhiệm vụ;
- (3) Nhân lực số: 03 nhiệm vụ;
- (4) Dữ liệu số: 04 nhiệm vụ;
- (5) An toàn thông tin mạng: 06 nhiệm vụ;
- (6) Chính quyền số: 04 nhiệm vụ;
- (7) Phát triển kinh tế số và xã hội số: 10 nhiệm vụ;
- (8) Nhận thức số: 02 nhiệm vụ.

Danh mục chi tiết các nhiệm vụ được ban hành kèm theo Kế hoạch này.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực để tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng kế hoạch công tác xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; định kỳ hàng tháng tổ chức các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

- Tiếp tục đổi mới về tư duy, nhận thức; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ; tăng cường công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy tại các địa phương, đơn vị. Tập trung rà soát các quy chế, quy định; thực hiện phân cấp, phân quyền, ủy quyền tối đa theo quy định của pháp luật đảm bảo thống nhất, thông suốt trong lãnh đạo, quản lý, điều hành từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao phối hợp trách nhiệm giữa các cấp các ngành đặc biệt trong công tác phối hợp thẩm định, triển khai các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp, bảo đảm hoạt động mạnh mẽ, thực chất, hiệu quả. Ban Chỉ đạo cần xác định cụ thể và có giải pháp thực

hiện các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo, phối hợp thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

- Tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thực hiện đánh giá, có số liệu cụ thể, làm rõ kết quả đạt được; các khó khăn, vướng mắc; điểm đột phá, sáng tạo trong thực hiện chuyển đổi số và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

- Chỉ đạo đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, bóc tách dữ liệu, tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Triển khai các giải pháp tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công nhằm tạo thuận lợi tối đa, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định; xây dựng mô hình mẫu về giải quyết thủ tục hành chính, hướng tới thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới hành chính.

- Đưa chuyển đổi số thành nội dung nòng cốt trong các Bộ Chỉ số của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương (PAR INDEX, SIPAS, DGI).

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò dẫn dắt chuyển đổi số của người đứng đầu; việc chuyển đổi số, đầu tư, mua sắm trong các kế hoạch, chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cần theo nguyên tắc: có người làm, có người giám sát độc lập, thực hiện việc kiểm tra, giám sát kịp thời ngay từ khâu lập kế hoạch, phê duyệt chủ trương, lập dự toán đến các khâu thực hiện đầu tư, mua sắm và đến khâu quyết toán.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng, HĐND và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện chuyển đổi số.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chuyển đổi số các ngành, địa phương thông qua các hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp và hệ thống phần mềm quản lý đánh giá mức độ chuyển đổi số tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức tự kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả chuyển đổi số của cơ quan đơn vị mình ít nhất 01 lần/năm.

2. Giải pháp về thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, của tỉnh thúc đẩy chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các

ngành, lĩnh vực của tỉnh như: Chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập,...

- Xây dựng, ban hành quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu được đưa vào sử dụng trong năm 2025.

3. Giải pháp về hạ tầng số

- Xây dựng phương án đảm bảo hạ tầng số hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và thay thế các hạ tầng tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Duy trì, nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm sát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính phủ số.

- Phát triển hạ tầng số, hạ tầng băng rộng hướng tới phủ cấp với băng thông rộng, tốc độ cao; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp để thực hiện xóa vùng lõm sóng di động băng rộng, chưa có băng rộng cố định.

- Tiếp tục triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ số,...).

4. Giải pháp về đào tạo, nguồn nhân lực số

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin và các ngành, lĩnh vực riêng như nội vụ, Đề án 06, lao động, nông nghiệp, giáo dục... để đào tạo, tập huấn cho 100% lãnh đạo các cơ quan Đảng, các tổ chức đoàn thể và các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn.

- Người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị và đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức gương mẫu đi đầu trong chuyển đổi số, trực tiếp tham gia các khóa đào tạo, tập huấn do tỉnh tổ chức.

- Triển khai các khóa đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cán bộ nòng cốt chuyển đổi số để tham mưu triển khai chuyển đổi số, làm chủ thiết bị, hệ thống, nền tảng số dùng chung của tỉnh.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo chủ trương của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm giữ vững sự ổn định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Chú trọng thu hút, tuyển dụng đội ngũ công chức, viên chức có trình độ về công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nói riêng, trên địa bàn tỉnh nói chung.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo chuyển đổi số cụ thể cho từng đối tượng giáo viên, học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số của tỉnh, trong đó tập trung đẩy mạnh chuyên ngành đào tạo về CNTT; phối hợp với các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tạo chuỗi liên kết lao động sau đào tạo.

5. Giải pháp phát triển dữ liệu số

- Các sở, ngành, địa phương tiếp tục thu thập, cập nhật, làm sạch cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của bộ, ngành trung ương và của tỉnh. Tiếp tục xây dựng, cập nhật, mở rộng danh mục cơ sở dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Kho dữ liệu dùng chung, công dữ liệu mở, duy trì và nâng cao năng lực Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đáp ứng các yêu cầu chuyển đổi số toàn diện của tỉnh.

- Nâng cao năng lực các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm, hệ thống thông tin của các bộ ngành đã hoàn thiện và cho phép kết nối.

- Triển khai mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới; đẩy mạnh số hóa, tái sử dụng kết quả hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện, triệt để mô hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

6. Giải pháp an toàn thông tin mạng

- Xây dựng kế hoạch triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”, đặc biệt là nâng cao năng lực của lớp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia, phân đầu đảm bảo mục tiêu 100% hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức được tổ chức bảo đảm an toàn thông tin thực chất, toàn diện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện mở rộng phạm vi giám sát, bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên, tổ chức giám sát, bảo vệ đầy đủ các lớp: lớp mạng, lớp ứng dụng, lớp cơ sở dữ liệu, lớp thiết bị đầu cuối.

- Xây dựng kế hoạch diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng trong năm 2025 cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin; triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và

nâng cao năng lực của đội ứng cứu sự cố theo Quyết định số 2029/QĐBTTT ngày 23/10/2023 của Bộ TT&TT.

- Xây dựng phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố, đưa hoạt động của hệ thống thông tin trở lại bình thường tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ, đặc biệt là đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu ngoại tuyến "offline" với chiến lược sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1: có ít nhất 03 bản sao dữ liệu, lưu trữ bản sao trên 02 phương tiện lưu trữ khác nhau, với 01 bản sao lưu ngoại tuyến "offline" (sử dụng tape/USB/ổ cứng di động,...). Dữ liệu sao lưu offline phải được tách biệt hoàn toàn, không kết nối mạng, cô lập để phòng chống tấn công leo thang vào hệ thống lưu trữ.

7. Giải pháp phát triển chính quyền số

7.1. *Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến*

- Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. *Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số*

- Triển khai các nền tảng, ứng dụng, dữ liệu số các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để đưa các hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường số, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp dựa trên dữ liệu, trực tuyến, bao gồm các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo chương trình chuyển đổi số của tỉnh như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistic, năng lượng, tài nguyên môi trường, sản xuất, lao động việc làm, an sinh xã hội, xuất nhập cảnh, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, quản lý di sản, văn hóa,...

- Triển khai các hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống theo dõi nhiệm vụ; hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của tỉnh, kết nối, tích hợp với các hệ thống do Văn phòng Chính phủ triển khai để phục vụ hoạt động quản lý, điều hành.

- Triển khai các nền tảng, hệ thống, phần mềm theo dõi, quản lý giám sát, đo lường việc triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án trong các ngành, lĩnh vực hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi công vụ cho cán bộ, công chức.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động. Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu và ra quyết định. Tạo môi trường làm việc thông minh và kết nối.

8. Giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số

- Các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai phổ cập định danh số, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chữ ký số trong các ngành, lĩnh vực của đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội. 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cài đặt và sử dụng chữ ký số cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ theo Khung hướng dẫn thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực tại Văn bản số 5473/BTTTT-KTS&XHS ngày 21/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

9. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các địa phương lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Phát huy vai trò của bộ phận một cửa các cấp, các Tổ công nghệ số cộng đồng và doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; đưa các nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số gắn với cuộc sống của người dân đến từng hộ gia đình, từng người dân. Thúc đẩy, tạo lập hành vi, thói quen cho người dân sử dụng nền tảng số, công nghệ số, trước mắt tập trung hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đăng ký sử dụng tài khoản VNID...

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia các tiện ích của Đề án số 06 và chuyển đổi số; tập trung vào các dịch vụ công trực tuyến và tài khoản định danh điện tử thay thế cho giấy tờ truyền thống, chuyển thói quen từ "trực tiếp" sang "trực tuyến", từ "thủ công" sang "điện tử", "số hóa", tạo sự lan tỏa, thống nhất, ủng hộ rộng rãi của toàn xã hội.

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân qua Nền tảng học trực tuyến mở đại

trà, đào tạo theo hướng cá nhân hóa. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm và công nhận chứng chỉ đào tạo trực tuyến.

- Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

10. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Huy động các nguồn lực cho thực hiện chuyển đổi số; ưu tiên triển khai theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước đảm bảo hiệu quả thiết thực, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”; khuyến khích các doanh nghiệp thử nghiệm các công nghệ mới, các giải pháp mới, các ý tưởng sáng tạo để nghiên cứu, vận dụng và đưa vào cuộc sống.

- Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan để thực hiện chuyển đổi số; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách tỷ lệ chi tối thiểu cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số từ ngân sách nhà nước.

11. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Tăng cường sự hỗ trợ của Bộ, ngành Trung ương trong việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số, an toàn thông tin.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các trường đại học, các tổ chức, các cơ sở đào tạo lớn có uy tín về công nghệ thông tin.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh phù hợp với kế hoạch của tỉnh, đúng quy trình, quy định; nhanh chóng đưa vào hoạt động, làm chủ công nghệ mới phục vụ các hoạt động quản lý, điều hành của tỉnh.

- Nghiên cứu, mở rộng khả năng quản lý, phân tích dữ liệu về doanh nghiệp, nhà đầu tư trong công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ đầu tư hướng tới khai thác và phát triển khả năng dự báo, khả năng phát hiện “từ xa- từ sớm” phục vụ cho nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi và xu hướng hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong bối cảnh hoạt động đầu tư ngày càng đa dạng hiện nay.

- Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực, kinh nghiệm để tham gia tư vấn, triển khai thí điểm giải pháp, nền tảng số và xây dựng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng dữ liệu dùng chung, đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số toàn diện; tham gia thẩm định, phản biện các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

phối hợp vận hành hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh/thành phố trong cả nước; tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu khoa học về công nghệ số, kỹ năng số; khuyến khích các cơ sở đào tạo của tỉnh xây dựng, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, học viên, sinh viên với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số có uy tín trên thế giới.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các hiệp hội thuộc các ngành khác nhau để tranh thủ sự hỗ trợ, giới thiệu, chia sẻ các bài học kinh nghiệm của doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số trên thế giới và trong nước.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Đối với các dự án/nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025, các cơ quan, đơn vị xác định, đề xuất 14 dự án/nhiệm vụ. Yêu cầu các cơ quan chủ trì đề xuất tiếp tục xác định rõ mục tiêu, quy mô, phạm vi đầu tư, thời gian triển khai, tổng mức đầu tư dự kiến, nguồn vốn trên cơ sở bám sát Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương đảm bảo không chồng chéo, thất thoát gây lãng phí; đặc biệt chú ý việc sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của Bộ, ngành đã được công bố hoặc chuẩn bị công bố (*Chi tiết tại Bảng tổng hợp kèm theo*).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai các nội dung Kế hoạch.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở nội dung Kế hoạch, chủ động xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của địa phương, bố trí ngân sách để thực hiện.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh và Ban Chuyển đổi số các sở, ngành, địa phương chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai hằng tháng, quý, năm.

- UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tổ chức họp đánh giá, kiểm điểm tiến độ thực hiện Kế hoạch hằng tháng, quý hoặc đột xuất; kịp thời điều chỉnh theo sự chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số và tình hình thực tế của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các địa phương

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này kèm theo danh mục chi tiết các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025, bao gồm cả chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ trì và phối hợp, **hoàn thành trước ngày 28/2/2025** gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp. Định kỳ hàng tháng kiểm đếm việc thực hiện, gửi báo cáo về cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh là Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trước ngày 15 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tổng hợp báo cáo về việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh hoặc đột xuất theo yêu cầu; trước ngày 15/01/2026, tham mưu Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025, Kế hoạch số 59/KH-UBND.

- Đầu mối, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị tổ chức đánh giá, chấm điểm Bộ Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp sở, ngành, địa phương, báo cáo tại cuộc họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2025. Tham mưu UBND tỉnh kịp thời điều chỉnh, sửa đổi Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025, Kế hoạch số 59/KH-UBND bám sát theo các quy định mới, quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Phối hợp, tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án của Đề án do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty Điện lực Quảng Ninh (t/h);
- Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (t/h);
- Tổng công ty Đông Bắc (t/h);
- Tập đoàn VNPT, Tập đoàn Viettel;
- Công ty Cổ phần FPT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- V0, V1, V2, V3, V4, TH, NC, VX6;
- Lưu: VT, KHCN.

KH04.2025.STTTT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Ân